

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2018.
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh
S.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Lò Văn Khết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quảng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa:

1. *NG đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1978. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn S, sinh năm 1977. Có đề nghị xử vắng mặt.

Đều trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người Đ diện H pháp: Ông Nguyễn Trung T, giám đốc Ngân hàng là người Đ diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Cà Văn L, sinh 1978, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Quảng Văn D, sinh 1980, trú tại: Bản L, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Quảng Văn Đ, sinh 1984, bà Lò Thị N, sinh 1983, trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Lò Văn H, sinh 1983, Bản N, thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Lò Văn Đ, sinh 1985, trú tại: Bản T, xã MườngC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Cà Văn N, sinh 1965, trú tại: Bản Huổi M, xã MườngM, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Quảng Văn H, sinh 1988, trú tại: Bản N, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Lò Văn NG, sinh 1986 trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Lò Văn D, sinh 1988, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh Lò Văn D, sinh 1972, trú tại: Bản Nà Trò, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Chị Lò Thị N, sinh 1998, trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Ông Lò Văn H, sinh 1935, trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017 và trong quá trình xét xử NG đơn chị Lò Thị D trình bày:

Chị và anh Lò Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 15 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, NG nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn S hắt hủi chị và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lò Văn S.

Về con chung: Có ba con là Lò Thị N, sinh ngày 01/01/1998; Lò Văn T, sinh 19/12/2000; Lò Thị M, sinh ngày 11/11/2005. Cháu N đã xây dựng gia đình, còn hai con Lò Văn T, Lò Thị M chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị không yêu cầu anh Lò Văn S cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung:

01 ngôi nhà sàn 04 gian, lợp Plôxi măng, sau khi Tòa án xem xét tại chỗ hai vợ chồng đã bán chia nhau xong và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất ở và đất vườn là 3255m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 85, 86; tờ bản đồ số 12, tại bản N, xã Pi T, huyện ML, sau khi Tòa án xem xét tại chỗ hai vợ chồng đã chia nhau xong: Phần anh Lò Văn S diện tích 1799m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 71m, cạnh giáp đất ông Toán 31m, cạnh giáp đất ông Biền 54m, giữa giáp đất chị D); Phần chị D diện tích 1456m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 19m, cạnh giáp đất ông Tập 56m, cạnh giáp đất ông Mao 33m, giữa giáp đất anh Lò Văn S).

Diện tích đất nương tên xứ đồng Lon Lầu Khẩu: thửa số 48; tờ bản đồ số 42 là 2905m² đã chia cho anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ em trai anh Lò Văn S.

Diện tích đất nương tên xứ đồng Huồi Trờ: thửa số 43; tờ bản đồ số 30 là 2413m² đã chia cho chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N.

Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Naur: thửa số 36; tờ bản đồ số 44 là 797m² đã chia xong: Phần anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ phía giáp suối T, một phía giáp Lò Văn Hiên, một phía giáp Vì Văn Khàng, giữa giáp chị Lò Thị D; Phần chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N một phía giáp Lò Văn Tập, một phía giáp Vì Văn Khàng, một phía giáp Cà Văn Phương, giữa giáp anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng, anh Lò Văn S phải trả nợ cho Ngân hàng.

Nợ anh Cà Văn L, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 5.100.000, đồng.

Nợ anh Quàng Văn D, trú tại: Bản L, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 2.000.000, đồng.

Nợ anh Quàng Văn Đ, chị Lò Thị N, trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 7.000.000, đồng.

Nợ anh Lò Văn H, trú tại: Bản N, thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL số tiền 4.000.000, đồng.

Nợ anh Lò Văn Đ, trú tại: Bản T, xã MườngC, huyện ML, tỉnh SL số tiền 15.000.000, đồng.

Nợ anh Cà Văn N, trú tại: Bản Huồi M, xã Mường trai, huyện ML, tỉnh SL số tiền 20.000.000, đồng.

Nợ anh Quàng Văn H, trú tại: Bản N, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL số tiền 15.000.000, đồng.

Anh Lò Văn S cho nợ, chị nhất trí họ trả cho anh S gồm:

Anh Lò Văn NG, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 4.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 2.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D, trú tại: Bản Nà Trò, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 2.200.000, đồng.

Bị đơn anh Lò Văn S trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có ba con là Lò Thị N, sinh ngày 01/01/1998; Lò Văn T, sinh 19/12/2000; Lò Thị M, sinh ngày 11/11/2005. Cháu N đã xây dựng gia đình, còn hai con Lò Văn T, Lò Thị M đang ở với chị D anh nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị không yêu cầu anh Lò Văn S cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí.

Về tài sản chung:

01 ngôi nhà sàn 04 gian, lợp Plôxi măng, sau khi Tòa án xem xét tại chỗ hai vợ chồng đã bán chia nhau xong và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất ở và đất vườn là 3255m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 85, 86; tờ bản đồ số 12, tại bản N, xã Pi T, huyện ML, sau khi Tòa án xem xét tại chỗ hai vợ chồng đã chia nhau xong: Phần anh Lò Văn S diện tích 1799m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 71m, cạnh giáp đất ông Toán 31m, cạnh giáp đất ông Biền 54m, giữa giáp đất chị D); Phần chị D diện tích 1456m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 19m, cạnh giáp đất ông Tập 56m, cạnh giáp đất ông Mao 33m, giữa giáp đất anh Lò Văn S).

Diện tích đất nương tên xứ đồng Lon Lầu Khẩu: thửa số 48; tờ bản đồ số 42 là 2905m² đã chia cho anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ em trai anh Lò Văn S.

Diện tích đất nương tên xứ đồng Huổi Trò: thửa số 43; tờ bản đồ số 30 là 2413m² đã chia cho chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N.

Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Naur: thửa số 36; tờ bản đồ số 44 là 797m² đã chia xong: Phần anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ phía giáp suối T, một phía giáp Lò Văn Hiên, một phía giáp Vì Văn Khàng, giữa giáp chị Lò Thị D; Phần chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N một phía giáp Lò Văn Tập, một phía giáp Vì Văn Khàng, một phía giáp Cà Văn Phương, giữa giáp anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng.

Nợ anh Cà Văn L, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 5.100.000, đồng.

Nợ anh Quảng Văn D, trú tại: Bản L, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 2.000.000, đồng.

Nợ anh Quảng Văn Đ, chị Lò Thị N, trú tại: Bản N, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL số tiền 7.000.000, đồng.

Nợ anh Lò Văn H, trú tại: Bản N, thị trấn I, huyện ML, tỉnh SL số tiền 4.000.000, đồng hai người trả.

Nợ anh Lò Văn Đ, trú tại: Bản T, xã MườngC, huyện ML, tỉnh SL số tiền 15.000.000, đồng.

Nợ anh Cà Văn N, trú tại: Bản Huổi M, xã Mường trai, huyện ML, tỉnh SL số tiền 20.000.000, đồng.

Nợ anh Quảng Văn H, trú tại: Bản N, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL số tiền 15.000.000, đồng.

Số nợ trên yêu cầu chia đôi mỗi người một nửa.

Anh Lò Văn S cho nợ, lấy tiền vay của anh Cà Văn N, anh sẽ tự đòi về trả lại cho anh N:

Anh Lò Văn NG, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL nợ số tiền 4.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D, trú tại: Bản T, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL nợ số tiền 2.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D, trú tại: Bản Nà Trò, xã Pi T, huyện ML, tỉnh SL nợ số tiền 2.200.000, đồng.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 16.20.020449 ngày 23/11/2012 anh Lò Văn S vay 30.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ người nghèo. Tính đến nay số tiền nợ gốc là 30.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh Lò Văn S là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Anh Cà Văn L trình bày: Hai vợ chồng D, S nợ tiền mua gạo, phân bón, rượu, bia từ năm 2011 đến 2013 với số tiền 5.100.000, đồng anh yêu cầu chị D là người phải trả anh, anh không tính lãi.

Anh Quảng Văn D trình bày: Khoảng tháng 5 năm 2015 anh cho vợ chồng D, S vay số tiền 2.000.000, đồng anh yêu cầu D, S phải trả anh, anh không tính lãi.

Anh Quảng Văn Đ, chị Lò Thị N trình bày: Năm 2015 cho vợ chồng D, S vay số tiền 14.000.000, đồng, đến tháng 01/2017 đã trả 7.000.000, đồng còn nợ 7.000.000, đồng, nay hai người ly hôn yêu cầu D, S phải trả cho gia đình anh, chị số tiền 7.000.000, đồng và không tính lãi.

Anh Lò Văn H trình bày: Ngày 10/4/2009 có cho số tiền vợ chồng D, S vay số tiền 4.000.000, đồng có lãi xuất, hai người trả lãi đến tháng 5/2011. Nay hai người ly hôn yêu cầu D, S phải trả số tiền gốc 4.000.000, đồng và lãi theo quy định pháp luật từ tháng 6/2011.

Nợ anh Lò Văn Đ em trai anh Lò Văn S trình bày: Năm 2013 anh cho hai vợ chồng anh S, chị D vay số tiền 15.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu D, S phải trả số tiền gốc 15.000.000, đồng và không tính lãi. Về đất đai anh nhất trí việc chia đất nương, đất ruộng cho anh.

Nợ anh Cà Văn N trình bày: Năm 2015 anh cho anh S vay số tiền 20.000.000, đồng, hai bên có làm giấy tờ, vay làm ba lần. Nay hai người ly hôn yêu cầu S phải trả số tiền gốc 20.000.000, đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Nợ anh Quảng Văn H trình bày: Năm 2013 anh cho anh S, chị D vay số tiền 15.000.000, đồng, hai bên có làm giấy tờ. Nay hai người ly hôn yêu cầu phải trả số tiền gốc 15.000.000, đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Văn NG trình bày: Năm 2015 anh có được vay của anh S số tiền 4.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh phải trả số tiền gốc 4.000.000, đồng, anh nhất trí.

Anh Lò Văn D trình bày: Năm 2015 anh có được vay của anh S số tiền 2.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh phải trả số tiền gốc 2.000.000, đồng, anh nhất trí.

Anh Lò Văn D trình bày: Năm 2015 anh có được vay của anh S số tiền 2.200.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh phải trả số tiền gốc 2.200.000, đồng, anh nhất trí.

Ông Lò Văn H là bố của anh Lò Văn S trình bày: Đất đai là của chung cả gia đình cả khu vực bản đều chưa được cấp giấy, nhưng được xác định chia cho từng hộ rồi, có bản đồ địa chính, ông nhất trí đã chia như anh Lò Văn S và chị Lò thị D.

Chị Lò Thị N là con cả của anh Lò Văn S và chị Lò thị D trình bày: Chị nhất trí việc bố, mẹ chia đất nương, đất ruộng cho chị.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Có căn cứ để xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn S;

Về con chung: Giao con cho chị Lò Thị D là người trực tiếp nuôi cháu Lò Văn T, sinh 19/12/2000; Lò Thị M, sinh ngày 11/11/2005 là đúng nguyện vọng của các cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận việc hai đương sự đã phân chia xong tài sản.

Về nợ chị Lò Thị D và anh Lò Văn S có trách nhiệm T toán trả các khoản nợ gốc và lãi cho những người liên quan, mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ.

Chị Lò Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: NG đơn chị Lò Thị D, bị đơn anh Lò Văn S; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người Đ diện H pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL đều đã nhận tổng đạt H lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Lò Văn S có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 15 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, NG nhân mâu thuẫn là do anh Lò Văn S hắt hủi chị và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị D và anh Lò Văn S đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Lò Thị D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn S.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi cháu Lò Văn T, sinh 19/12/2000; Lò Thị M, sinh ngày 11/11/2005. Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung căn cứ Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau:

01 ngôi nhà sàn 04 gian, lợp Plôxi măng hai vợ chồng đã bán chia nhau xong và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất ở và đất vườn là 3255m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 85, 86; tờ bản đồ số 12, tại bản N, xã Pi T, huyện ML, hai vợ chồng đã chia nhau xong: Phần anh Lò Văn S diện tích 1799m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 71m, cạnh giáp đất ông Toán 31m, cạnh giáp đất ông Biền 54m, giữa giáp đất chị D); Phần chị D diện tích 1456m² (cạnh giáp đất

cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 19m, cạnh giáp đất ông Tập 56m, cạnh giáp đất ông Mao 33m, giữa giáp đất anh Lò Văn S).

Diện tích đất nương tên xứ đồng Lon Lầu Khẩu: thửa số 48; tờ bản đồ số 42 là 2905m² đã chia cho anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ em trai anh Lò Văn S.

Diện tích đất nương tên xứ đồng Huổi Trờ: thửa số 43; tờ bản đồ số 30 là 2413m² đã chia cho chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N.

Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Naur: thửa số 36; tờ bản đồ số 44 là 797m² đã chia xong: Phần anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ phía giáp suối T, một phía giáp Lò Văn Hiên, một phía giáp Vì Văn Khàng, giữa giáp chị Lò Thị D; Phần chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N một phía giáp Lò Văn Tập, một phía giáp Vì Văn Khàng, một phía giáp Cà Văn Phương, giữa giáp anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ.

[5] Về nợ chung:

Chị Lò Thị D có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh Cà Văn L, số tiền 5.100.000, đồng, không tính lãi.

Anh Quàng Văn D số tiền 2.000.000, đồng, không tính lãi.

Anh Quàng Văn Đ, chị Lò Thị N số tiền 7.000.000, đồng, không tính lãi.

Anh Lò Văn H số tiền 4.000.000, đồng, lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ tháng 6/2011 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn Đ số tiền 7.500.000, đồng, không tính lãi.

Anh Quàng Văn H số tiền 15.000.000, đồng, lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ 01/11/2013 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn S có trách nhiệm trả nợ cho:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Anh Cà Văn N số tiền 20.000.000, đồng lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ tháng 7/2015 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn Đ số tiền 7.500.000, đồng, không tính lãi.

Anh Lò Văn NG có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 4.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 2.000.000, đồng.

Anh Lò Văn D có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 2.200.000, đồng.

Chị Lò Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn S.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi cháu Lò Văn T, sinh 19/12/2000; Lò Thị M, sinh ngày 11/11/2005. Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung:

Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau:

01 ngôi nhà sàn 04 gian, lợp Plôxi măng hai vợ chồng đã bán chia nhau xong và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất ở và đất vườn là 3255m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 85, 86; tờ bản đồ số 12, tại bản N, xã Pi T, huyện ML, hai vợ chồng đã chia nhau xong: Phần anh Lò Văn S diện tích 1799m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 71m, cạnh giáp đất ông Toán 31m, cạnh giáp đất ông Biển 54m, giữa giáp đất chị D); Phần chị D diện tích 1456m² (cạnh giáp đất cộng đồng N, xã Pi T, huyện ML 19m, cạnh giáp đất ông Tập 56m, cạnh giáp đất ông Mao 33m, giữa giáp đất anh Lò Văn S).

Diện tích đất nương tên xứ đồng Lon Lầu Khẩu: thửa số 48; tờ bản đồ số 42 là 2905m² đã chia cho anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ.

Diện tích đất nương tên xứ đồng Huổi Trờ: thửa số 43; tờ bản đồ số 30 là 2413m² đã chia cho chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N.

Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Naur: thửa số 36; tờ bản đồ số 44 là 797m² đã chia xong: Phần anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ phía giáp suối T, một phía giáp Lò Văn Hiên, một phía giáp Vì Văn Khàng, giữa giáp chị Lò Thị D; Phần chị Lò Thị D và cháu Lò Thị N một phía giáp Lò Văn Tập, một phía giáp Vì Văn Khàng, một phía giáp Cà Văn Phương, giữa giáp anh Lò Văn S và anh Lò Văn Đ.

5. Về nợ chung:

Chị Lò Thị D có trách nhiệm trả nợ cho gồm:

Anh Cà Văn L, số tiền 5.100.000, đồng, (năm triệu một trăm nghìn đồng) không tính lãi.

Anh Quàng Văn D số tiền 2.000.000, đồng, (hai triệu đồng) không tính lãi.

Anh Quàng Văn Đ, chị Lò Thị N số tiền 7.000.000, đồng, (bảy triệu đồng) không tính lãi.

Anh Lò Văn H số tiền 4.000.000, đồng, (bốn triệu đồng) lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ tháng 6/2011 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn Đ số tiền 7.500.000, đồng, (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) không tính lãi.

Anh Quàng Văn H số tiền 15.000.000, đồng, (mười năm triệu đồng) lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ 01/11/2013 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn S có trách nhiệm trả nợ cho gồm:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 16.20.020449 ngày 23/11/2012.

Anh Cà Văn N số tiền 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng) lãi theo quy định pháp luật là 0,75% một tháng từ tháng 7/2015 cho đến khi T toán xong.

Anh Lò Văn Đ số tiền 7.500.000, đồng, (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) không tính lãi.

Anh Lò Văn NG có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 4.000.000, đồng (bốn triệu đồng).

Anh Lò Văn D có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 2.000.000, đồng (hai triệu đồng).

Anh Lò Văn D có trách nhiệm trả nợ cho Lò Văn S số tiền 2.200.000, đồng. (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

Chị Lò Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004672 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

NG đơn chị Lò Thị D, bị đơn anh Lò Văn S; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người Đ diện H pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

N nhận:
- TAND tỉnh SL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã Pì T, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (15);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn